

UBND XÃ HƯNG LONG	QUY TRÌNH Đăng ký kết hôn	Mã hiệu: QT-04/HT
		Lần ban hành 02
		Ngày ban hành:

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI ÁP DỤNG
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ		Phó Chủ tịch UBND	Chủ tịch UBND

UBND XÃ HƯNG LONG	QUY TRÌNH Đăng ký kết hôn	Mã hiệu: QT-04/HT
		Lần ban hành 02
		Ngày ban hành:

1. MỤC ĐÍCH

Quy trình được xây dựng nhằm quy định trình tự, phương pháp tiếp nhận và cách thức xử lý hồ sơ đối với thủ tục Đăng ký kết hôn, đảm bảo cán bộ, công chức thực hiện đúng với nhiệm vụ, quyền hạn được giao

2. PHẠM VI ÁP DỤNG

Áp dụng đối với hoạt động Đăng ký kết hôn

Cán bộ, công chức thuộc bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, các bộ phận có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân xã chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015
- Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.8

4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT

- UBND: Ủy ban nhân dân
- TTHC: Thủ tục hành chính
- TN&TKQ: Tiếp nhận và trả kết quả
- HT: Hộ tịch

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính		
	- Điều kiện kết hôn: + Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên; + Việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định; + Các bên không bị mất năng lực hành vi dân sự; + Việc kết hôn không thuộc các trường hợp bị cấm gồm: • Kết hôn giả tạo; • Tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, lừa dối kết hôn, cản trở kết hôn; • Người đang có vợ, có chồng mà kết hôn với người khác hoặc chưa có vợ, chưa có chồng mà kết hôn với người đang có chồng, có vợ; • Kết hôn giữa những người cùng dòng máu về trực hệ; giữa những người có họ trong phạm vi ba đời; giữa cha, mẹ nuôi với con nuôi; giữa người đã từng là cha, mẹ nuôi với con nuôi, cha chồng với con dâu, mẹ vợ với con rể, cha dượng với con riêng của vợ, mẹ kế với con riêng của chồng; • Nhà nước không thừa nhận hôn nhân giữa những người cùng giới tính.		
5.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao

UBND XÃ HƯNG LONG	QUY TRÌNH Đăng ký kết hôn	Mã hiệu: QT-04/HT
		Lần ban hành 02
		Ngày ban hành:

	* Giấy tờ phải nộp: + Tờ khai đăng ký kết hôn (theo mẫu); + Bản chính Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân do Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn có thẩm quyền trong trường hợp người yêu cầu đăng ký kết hôn không đăng ký thường trú tại địa bàn phường, xã, thị trấn làm thủ tục đăng ký kết hôn. * Trường hợp người yêu cầu đăng ký kết hôn đang công tác, học tập, lao động có thời hạn ở nước ngoài thì phải nộp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân do Cơ quan đại diện ngoại giao, Cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài cấp.	x	
	- Giấy tờ phải xuất trình: + Giấy tờ tùy thân gồm: hộ chiếu, chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân hoặc giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng; + Giấy tờ chứng minh nơi cư trú để xác định thẩm quyền; + Trích lục ghi chú ly hôn đối với trường hợp công dân Việt Nam đăng ký thường trú tại địa bàn phường, xã, thị trấn làm thủ tục đăng ký kết hôn, đã được giải quyết việc ly hôn trước đó tại cơ quan có thẩm quyền nước ngoài.		
	* Lưu ý: - Đối với giấy tờ nộp, xuất trình: + Trường hợp người yêu cầu nộp giấy tờ là bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ không được yêu cầu xuất trình bản chính; nếu người yêu cầu chỉ nộp bản chụp và xuất trình bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký vào bản chụp xác nhận về việc đã đối chiếu nội dung giấy tờ đó, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó. + Đối với giấy tờ xuất trình khi đăng ký hộ tịch, người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó. + Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.		
5.3	Số lượng hồ sơ		

UBND XÃ HƯNG LONG	QUY TRÌNH Đăng ký kết hôn	Mã hiệu: QT-04/HT
		Lần ban hành 02
		Ngày ban hành:

	01 bộ			
5.4	Thời gian xử lý			
	Ngay trong ngày làm việc. Nếu nộp hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong làm việc tiếp theo Trường hợp cần xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ thì thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc			
5.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND xã			
5.6	Phí/Lệ phí			
	Miễn lệ phí			
5.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
	Trường hợp không cần phải xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ			
B1	<u>Nộp hồ sơ</u> : Công dân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định pháp luật nộp tại bộ phận TN&TKQ của UBND xã giải quyết TTHC	Công dân	Khi có nhu cầu	Thành phần hồ sơ theo mục 5.2
B2	<u>Tiếp nhận, đối chiếu kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ</u> : Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ viết giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ - Trường hợp hồ sơ thiếu, không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ	Bộ phận TN&TKQ	0,5 giờ làm việc	Mẫu số 01, 02, 03, 05, 06 (Thông tư 01/2018/TT-VPCP) Hồ sơ

UBND XÃ HƯNG LONG	QUY TRÌNH Đăng ký kết hôn	Mã hiệu: QT-04/HT
		Lần ban hành 02
		Ngày ban hành:

	sơ hướng dẫn cho người đến nộp hồ sơ hoàn thiện hồ sơ theo quy định Nếu hồ sơ không được bổ sung, hoàn thiện thì công chức tiếp nhận từ chối nhận hồ sơ (phải được ghi bằng văn bản và nêu rõ lý do) Luân chuyển hồ sơ đến bộ phận chuyên môn xử lý			
B3	<u>Thẩm định hồ sơ</u> : Công chức chuyên môn tiến hành kiểm tra hồ sơ, xác minh điều kiện kết hôn (nếu cần): - Nếu hồ sơ cần giải trình và bổ sung, cán bộ thụ lý hồ sơ hướng dẫn cho công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định - Nếu hồ sơ đạt yêu cầu, tiến hành bước tiếp theo	Công chức Tư pháp Hộ tịch	01 giờ làm việc	Mẫu số 02, 03, 05 (Thông tư 01/2018/TT-VPCP) Hồ sơ
B4	Trường hợp không cần phải xác minh thì báo cáo xin ý kiến Chủ tịch UBND; in dự thảo bản chính Giấy chứng nhận kết hôn và trình hồ sơ cho Chủ tịch UBND xem xét.	Công chức Tư pháp Hộ tịch	01 giờ làm việc	Dự thảo Giấy chứng nhận kết hôn
B5	<u>Ký duyệt kết quả</u> : Lãnh đạo UBND xã xem xét và ký phê duyệt kết quả cho công dân	Lãnh đạo UBND xã	01 giờ làm việc	Giấy chứng nhận kết hôn
B6	<u>Đóng dấu và sao lưu</u> : Tiếp nhận kết quả, chuyển văn thư lấy số đóng dấu, Nhập thông tin vào Sổ hộ tịch Phát hành văn bản và chuyển về bộ phận TN&TKQ Lưu hồ sơ theo dõi	Công chức Tư pháp Hộ tịch	0,5 giờ làm việc	Mẫu số 06 (Thông tư 01/2018/TT-VPCP) Kết quả
B7	Trả kết quả cho công dân theo quy định Đề nghị 02 bên nam nữ ký tên vào	Bộ phận TN&TKQ	Theo phiếu hẹn	

UBND XÃ HƯNG LONG	QUY TRÌNH Đăng ký kết hôn	Mã hiệu: QT-04/HT
		Lần ban hành 02
		Ngày ban hành:

	sổ hộ tịch Thống kê, theo dõi			
<i>Ghi chú: Nếu hồ sơ bị chậm muộn thì cán bộ thụ lý báo cáo lãnh đạo và phải có phiếu xin lỗi theo mẫu số 04 (Thông tư 01/2018/TT-VPCP) trả cho TCCN</i>				
Trường hợp cần phải xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ				
B1	<u>Nộp hồ sơ</u> : Công dân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định pháp luật nộp tại bộ phận TN&TKQ của UBND xã giải quyết TTHC	Công dân	Khi có nhu cầu	Thành phần hồ sơ theo mục 5.2
B2	<u>Tiếp nhận, đối chiếu kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ</u> : Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ viết giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ - Trường hợp hồ sơ thiếu, không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn cho người đến nộp hồ sơ hoàn thiện hồ sơ theo quy định Nếu hồ sơ không được bổ sung, hoàn thiện thì cán bộ tiếp nhận từ chối nhận hồ sơ (phải được ghi bằng văn bản và nêu rõ lý do) Luân chuyển hồ sơ đến bộ phận chuyên môn xử lý	Bộ phận TN&TKQ	½ ngày làm việc	Mẫu số 01, 02, 03, 05, 06 (Thông tư 01/2018/TT-VPCP) Hồ sơ
B3	<u>Thẩm định hồ sơ</u> : Công chức tư pháp - hộ tịch tiến hành xem xét, kiểm tra, thẩm định hồ sơ.	Công chức Tư pháp Hộ tịch	01 giờ làm việc	Mẫu số 01 (Thông tư 01/2018/TT-VPCP) Hồ sơ
B4	Báo cáo lãnh đạo UBND xã và tiến hành xác minh điều kiện kết hôn	Công chức Tư pháp Hộ	04 ngày làm việc	Hồ sơ xác minh thông tin

UBND XÃ HƯNG LONG	QUY TRÌNH Đăng ký kết hôn	Mã hiệu: QT-04/HT
		Lần ban hành 02
		Ngày ban hành:

	của hai bên nam, nữ	tịch		
B5	Sau khi có kết quả xác minh, cán bộ chuyên môn tổng hợp hồ sơ, dự thảo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn Trình lãnh đạo UBND xã xem xét	Công chức TP-HT	01 giờ làm việc	Hồ sơ kết quả xác minh Dự thảo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn
B6	Lãnh đạo UBND xã xem xét, yêu cầu điều chỉnh (nếu cần), ký duyệt giấy chứng nhận đăng ký kết hôn	Lãnh đạo UBND xã	01 giờ làm việc	Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn
B7	Tiếp nhận kết quả, ghi thông tin vào sổ hộ tịch, chuyển văn thư lấy số, đóng dấu, sao lưu nếu cần) và chuyển bộ phận TN&TKQ Lưu hồ sơ theo dõi	Công chức tư pháp - hộ tịch	0,5 giờ làm việc	Kết quả Mẫu số 06 (Thông tư 01/2018/TT-VPCP)
B8	- Tiếp nhận kết quả hồ sơ đã được ký duyệt, vào sổ, thực hiện sao lưu (nếu có). - Nhập thông tin vào Sổ hộ tịch.	Bộ phận TN&TKQ	0,5 giờ làm việc	
B9	Trả kết quả cho công dân theo quy định Ký tên vào sổ hộ tịch Thông kê, theo dõi	Bộ phận TN&TKQ	Theo Giấy hẹn	Kết quả

Ghi chú: Nếu hồ sơ bị chậm muộn thì cán bộ thụ lý báo cáo lãnh đạo và phải có phiếu xin lỗi theo mẫu số 04 (Thông tư 01/2018/TT-VPCP) trả cho TCCN

5.8	Cơ sở pháp lý
	- Luật Hôn nhân và gia đình ngày 19 tháng 06 năm 2014 (có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015); - Luật Hộ tịch ngày 20 tháng 11 năm 2014 (có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016); - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch (có hiệu lực kể từ

UBND XÃ HƯNG LONG	QUY TRÌNH Đăng ký kết hôn	Mã hiệu: QT-04/HT
		Lần ban hành 02
		Ngày ban hành:

	ngày 01 tháng 01 năm 2016); - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của luật hộ tịch và nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật hộ tịch; - Nghị quyết số 124/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân thành phố về các loại phí và lệ phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017); - Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành mức thu 10 loại phí và 7 loại lệ phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017); - Nghị định 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; - Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 hướng dẫn thi hành một số quy định của nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/04/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp. - Quyết định số 3291/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp.
--	---

6. BIỂU MẪU

TT	Tên Biểu mẫu
1.	Hệ thống biểu mẫu theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018: * Mẫu số 01 – Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả * Mẫu số 02 – Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ * Mẫu số 03 – Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ * Mẫu số 04 – Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả * Mẫu số 05 – Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ * Mẫu số 06 – Sổ theo dõi hồ sơ
2.	Tờ khai đăng ký kết hôn theo mẫu quy định tại Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

7. HỒ SƠ LƯU: Hồ sơ lưu bao gồm các thành phần sau

UBND XÃ HƯNG LONG	QUY TRÌNH Đăng ký kết hôn	Mã hiệu: QT-04/HT
		Lần ban hành 02
		Ngày ban hành:

TT	Hồ sơ lưu (bản chính hoặc bản sao theo quy định)
1.	Thành phần hồ sơ cần nộp theo mục 5.2
2.	Kết quả giải quyết thủ tục hành chính Các hồ sơ khác phát sinh trong quá trình thực hiện
3.	Các biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018
Hồ sơ được lưu tại bộ phận một cửa và Bộ phận TP-HT theo quy định	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

(1)

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ KẾT HÔN

(2)

h gửi: ⁽³⁾

Thông tin	Bên nữ	Bên nam
Họ, chữ đệm, tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Dân tộc		
Quốc tịch		
Nơi cư trú ⁽⁴⁾		
Giấy tờ tùy thân ⁽⁵⁾		
Kết hôn lần thứ mấy		

Chúng tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, việc kết hôn của chúng tôi là tự nguyện, không vi phạm quy định của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

Chúng tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

Đề nghị Quý cơ quan đăng ký.

UBND XÃ HƯNG LONG	QUY TRÌNH Đăng ký kết hôn	Mã hiệu: QT-04/HT
		Lần ban hành 02
		Ngày ban hành:

....., ngàytháng
năm.....

Bên nữ

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Bên nam

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Đề nghị cấp bản sao⁽⁶⁾: Có ☐, Không ☐

Số lượng:.....bản

Chú thích:

(1) (2) Trường hợp làm thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài, thì phải dán ảnh của hai bên nam, nữ.

(3) Ghi rõ tên cơ quan đăng ký kết hôn.

(4) Ghi theo nơi đăng ký thường trú, nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo nơi đang sinh sống.

(5) Ghi thông tin về giấy tờ tùy thân như: hộ chiếu, chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ hợp lệ thay thế (ví dụ: Chứng minh nhân dân số 001089123 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 20/10/1982).

(6) Đề nghị đánh dấu X vào ô nếu có yêu cầu cấp bản sao và ghi rõ số lượng.